

Số: 10/2018/QĐST – DS

Phổ Yên, ngày 29 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 500, 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2018/TLST – DS ngày 31 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự

Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Xóm QT, xã TP, thị xã PY, tỉnh TN;

Bị đơn: + Ông Hà Văn Nh, sinh năm 1957;

+ Bà Tạ Thị Th, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Xóm QT, xã TP, thị xã PY, tỉnh TN;

Người có quyền lợi nghĩa liên quan:

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963;

Địa chỉ: xóm QT, xã TP, thị xã PY, tỉnh TN

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị H và ông Hà Văn Nh, bà Tạ Thị Th,

thống nhất thỏa thuận như sau:

2.1. Ông T, ông Nh, bà Th xác nhận ngày 13/12/2006 giữa ông Hà Văn Nh, bà Tạ Thị Th và ông Hoàng Văn T có thiết lập 01 giấy bán ruộng với nội dung: “Ông Hà Văn Nh ở xóm QT, xã TP, thị xã PY, tỉnh TN, có chuyển nhượng cho ông Hoàng Văn T thửa đất số 91, diện tích 436m² tại xứ đồng AP, với số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng) một sào”. Bản viết tay giấy bán ruộng là có thực và việc ông Nh, bà Th viết giấy bán ruộng cho ông T là hoàn toàn tự nguyện.

2.2. Nay các bên thống nhất thỏa thuận:

Ông Nh, bà Th đã giao cho ông T, bà H sử dụng thửa đất nêu trên từ ngày 13/12/2006 (ngày xác lập giấy tờ mua bán viết tay), đến nay không thay đổi.

Ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị H tiếp tục được quyền sử dụng thửa đất số 91, tờ bản đồ số 07 theo hiện trạng được trích đo là 444,7m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hà Văn Nh là 436 m²), mục đích sử dụng 1L, vị trí thửa đất tại: Xóm QT, xã TP, thị xã PY, tỉnh TN, do ông Nh và Th chuyển nhượng.

Thửa đất có tứ cận như sau:

Phía Bắc có số đo 38,4 mét, giáp đường đất;

Phía Đông có số đo 9,86 mét, giáp thửa đất số 93

Phía Nam có số đo 34,32 mét, giáp thửa đất số 94

Phía Tây có số đo 11, 41 mét, giáp thửa đất nhà ông V.

(Có trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo)

2.3. Ông Hà Văn Nh, bà Tạ Thị Th có trách nhiệm làm thủ tục chuyển nhượng đất cho ông Hoàng Văn T, bà Nguyễn Thị H thửa đất số 91, tờ bản đồ số 07 diện tích theo hiện trạng được trích đo là 444,7m² (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Hà Văn Nh là 436 m²), mục đích sử dụng đất 1L, vị trí thửa đất tại: xóm QT, xã TP, thị xã PY, tỉnh TN.

2.4. Về giá trị chuyển nhượng thửa đất 91, tờ bản đồ số 07, diện tích 444,7m² (theo đo thực tế): các bên thống nhất thỏa thuận là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Ông T, bà H đã trả cho ông Nh, bà Th 5.000.000đ (ngày 13/12/2006), nay ông T, bà H có trách nhiệm trả tiếp cho ông Nh và bà Th 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Ông Nh, bà Th được quyền sở hữu số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) do ông T, bà H trả.

2.5. Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ và biện pháp bảo đảm:

- Ông T, bà H trả số tiền 25.000.000đ cho ông Nh, bà Th vào ngày 30/12/2018 (dương lịch).

- Ông Nh, bà Th đồng thời có trách nhiệm hoàn chỉnh đầy đủ thủ chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho ông T, bà H để sang tên quyền sử

dụng thửa đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Nếu đến thời hạn ông T, bà H trả tiền cho ông Nh bà Th mà ông Nh, bà Th không thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên cho ông T, bà H theo đúng quy định về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hiện hành thì ông Nh, bà Th phải trả cho ông T và bà H số tiền 75.000.000đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) trị giá của thửa đất nêu trên theo biên bản định giá ngày 18/4/2018 của Tòa án nhân dân thị xã PY. Đồng thời ông T, bà H sẽ có trách nhiệm trả lại cho ông Nh, bà Th thửa đất nêu trên.

Ông T, bà H và ông Nh bà Th thỏa thuận không tính lãi suất chậm trả nếu các bên chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

2.6. Về Án phí: Ông Hoàng Văn T thỏa thuận chịu 625.000đồng (Sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí tài sản có giá ngạch sung công quỹ Nhà nước. Được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự thị xã PY. Biên lai thu số 0008466 ngày 31/01/2018, ông T còn phải nộp tiếp 325.000đồng tiền án phí tài sản có giá ngạch.

3. Quyết định này có hiệu lực Pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã PY;
- UBND xã TP;
- Chi cục Thi hành án DS TX PY;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Hà Thị Thu Thủy